

TRIỆU VIỆT VƯƠNG (549-571)

Niên hiệu: *Quang Phục*

Khi được Lý Nam Đế trao cho toàn bộ binh quyền, Triệu Quang Phục người huyện Chu Diên¹ thấy rõ lúc đó giặc còn mạnh, không thể đánh thắng ngay được nên đưa hơn 1 vạn quân từ miền núi về đồng bằng tìm cách đánh giặc. Vốn thông thuộc miền sông nước, ông đưa quân về Dạ Trạch (Bãi Mản Trò, Hưng Yên), một vùng đồng lầy rộng mênh mông, lau sậy um tùm, ở giữa có một bãi đất cao khô ráo có thể ở được. Đường vào bãi rất khó khăn, chỉ có thể dùng thuyền độc mộc, chống sào lướt nhẹ trên đám cỏ nước, theo mấy con lạch nhỏ mới tới được đại bản doanh của nghĩa quân.

Ngay khi đem quân về Dạ Trạch, Triệu Quang Phục đã nghĩ đến việc tự túc lương thực để kháng chiến lâu dài. Ông chia quân ra làm nhiều toán: Toán chặt cây làm trại, toán chuyên đục đẽo thuyền độc mộc, toán chuyên bắt cá, toán đi săn chim, vịt trời để nuôi quân. Lương thực thiếu, Triệu Quang Phục cùng nghĩa quân ăn củ sùng, khoai dại, để dành thóc gieo mạ. Khi doanh trại đã căn bản xây dựng xong cũng là lúc tướng giặc Trần Bá Tiên đánh hơi được, đem quân trùng trùng điệp điệp đến bủa vây. Nhìn đầm rộng chỉ có lau sậy, tướng giặc đắc ý nói với tả hữu:

- Số phận quân Dạ Trạch đã được định liệu. Một vạn miệng ăn chen chúc trong đầm tất sẽ chết vì đói. Ta chỉ cần vây chặt mà không cần đánh.

Trần Bá Tiên chia quân lập một hệ thống đồn binh vây bọc kín khu đầm, cắt đứt liên lạc, tiếp tế giữa nghĩa quân với dân chúng. Hắn không thể ngờ được bên trong vòng vây, Triệu Quang Phục một mặt cho quân do thám theo sát hành tung giặc, mặt khác cho đắp bờ, khoan bãi, tôn nền ruộng, gieo mạ để làm vụ chiêm. Hơn thế vị tướng tài còn nhằm trước khu đất cao ở gần sông Cái để sửa soạn làm vụ sau.

¹ Huyện Chu Diên thuộc Hưng Yên, có thuyết cho là vùng Đan Phượng, Hà Tây.

Tất cả những công việc này đều được tiến hành trong điều kiện thiếu thốn nông cụ và sức kéo. Vì vậy, trông ngày hội xuống đồng, để làm gương cho binh sĩ, Triệu Quang Phục lúc cầm cây, khi cùng nghĩa quân thi nhau dùng đòn kéo thay trâu, không phân biệt trên dưới, tạo nên không khí phấn khởi trong sản xuất. Vì vậy, sau những ngày thiếu thốn, nghĩa quân chẳng những có đủ lương ăn mà còn có thóc để dành, đủ sức quân nhau với giặc lâu dài. Theo lệnh Quang Phục: “Lúa quý như mệnh người”, nghĩa quân vừa đánh giặc vừa thay nhau tiếp tục sản xuất.

Bao vây lâu ngày không thấy nghĩa quân chết đói, ngược lại, các đồn giặc liên tiếp bị đánh, lương thực bị cướp nên chính giặc lại lâm vào tình trạng thiếu thóc gạo trầm trọng. Giặc càng khó khăn, đêm đêm nghĩa quân đánh càng mạnh.

Sau khi Lý Nam Đế mất Triệu Quang Phục xưng là Triệu Việt Vương. Dân gian gọi ông là Dạ Trạch Vương. Đến năm Canh Ngọ (550), nhân nhà Lương có loạn to, thế giặc suy yếu, Triệu Việt Vương từ căn cứ Dạ Trạch, biết rõ gan ruột giặc, xuất toàn quân giao chiến, giết được tướng giặc là Dương Sàn, thu lại Kinh đô, khôi phục lại nền độc lập cho dân nước.

Như trên đã nói, khi Lý Nam Đế thất thế chạy về Khuất Lão thì người anh họ là Lý Thiên Bảo cùng với người anh họ là Lý Phật Tử đem quân chạy vào cửa Chân. Bị quân Lương truy đuổi, Lý Thiên Bảo, Lý Phật Tử phải chạy sang Lào, đến đóng ở động Dã Năng, xưng là Đào Lang Vương. Năm Ất Hợi (555) là năm thứ 7 đời Triệu Việt Vương, Lý Thiên Bảo mất, không có con, binh quyền về tay Lý Phật Tử.

Đến năm Đinh Sửu (557) Lý Phật Tử đem quân về đánh Triệu Việt Vương để giành ngôi nhà Lý. Nhưng đánh không thắng, Phật Tử xin chia đất giảng hoà. Triệu Việt Vương nghĩ tình họ Lý, cũng thuận chia đất cho Lý Phật Tử. Phật Tử đóng đô ở Ô Diên (làng Đại Mỗ, Từ Liêm) Triệu Việt Vương đóng ở Long Biên, lấy bãi Quần Thần (làng Thượng Cát, Từ Liêm) làm giới hạn. Triệu Việt Vương còn gả con gái là Cải Nương cho Nhã Lang con Phật Tử để tỏ tình hoà hiếu. Nhưng Phật Tử vẫn có ý muốn thôn tính. Bởi vậy, Phật Tử khẩn trương chuẩn bị lực lượng chờ cơ hội hành động.

Năm Tân Mão (571), Phật Tử phản trắc, bất ngờ đem quân đi đánh Triệu Việt Vương. Vì không phòng bị Triệu Việt Vương thua chạy đến cửa biển Đại Nha, cùng đường gieo mình xuống biển tự vẫn.

Dân đã lập miếu thờ tại nơi ông mất ở xã Độc Bộ, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), vua Trần Nhân Tông sách phong là Minh Đạo Hoàng Đế. Năm Trùng Hưng thứ tư vua ban thêm hai chữ “Khai Cơ”. Năm Hưng Long thứ 21 (1313) đời Trần Anh Tông, vua ban thêm bốn chữ: “Thánh Liệt Thần Vũ”.